

## Máy đo cáp quang OTDR đa chức năng VO6200

Máy đo OTDR VO6200 là thiết bị đo quang học đa chức năng với màn hình màu cảm ứng 7 inch, tích hợp 9 module với thiết kế phần mềm cũng như phần cứng xuất sắc, khả năng kiểm tra sợi quang ngắn với độ chính xác cao và tự động đo kiểm với dải động tới 45dB. Thiết bị được trang bị nhiều chức năng đo OTDR, bản đồ sự kiện trực quan, phát ánh sáng đỏ, phát công suất quang, kiểm tra công suất quang, kiểm tra suy hao quang, kiểm tra bề mặt connector, đo kiểm từ xa, Ethernet (Ping/PPPoE/...) khả năng hoạt động không dây APP di động. Có thể mở và hiển thị 10 tệp .sor cùng một lúc, tăng cường hiệu năng làm việc. Hỗ trợ đo thủ công/tự động và kiểm tra suy hao Macrobend đồng thời ở cả hai bước sóng 1310/1550nm.

Chức năng đo XGSPON tùy chọn, Có thể đo riêng biệt từng bước sóng 1490 và 1577. Các bước sóng lựa chọn: 850/980/1270/1300/1310/1490/1550/ 1577/1625/1650nm

Thiết bị sử dụng để đo chiều dài, suy hao, chất lượng kết nối và các thông số khác của các loại dây/cáp sợi quang. Thiết bị ứng dụng đo kiểm tra khi thi công, sửa chữa cáp sợi quang, nghiên cứu và đo lường trong sản xuất cáp sợi quang chất lượng, Chức năng tùy chọn đo sợi quang đang hoạt động (Live test)



### Thông số kỹ thuật VO6200

VO6200 OTDR																
Model	S0	S1	S2	S3	S4	T1	T2	T3	T4	T5	T6	F1	M1	SM1	SM2	
Loại sợi	SM												MM	SM/ MM		
Bước sóng (± 20nm)	1310/1550nm					1310nm /1490nm /1550nm		1310nm /1550nm /1625nm		1310nm /1550nm /1650nm		1310nm /1490nm /1550nm /1625nm		850nm/1300nm	850nm /1300nm /1310nm /1550nm	
Dải động tối đa (dB)	32/30	35/33	38/36	42/40	45/43	32/30/30	37/35/35	32/30/30	37/35/35	32/30/30	37/35/35	37/35/35/35		26/28	26/28 /35/33	26/28 /37/35
Vùng chết sự kiện	0.8m		0.5m			0.8m	0.5m	0.8m	0.5m	0.8m	0.5m	0.5m		1m		
Vùng chết suy hao	4m		3.5m			4m	3.5m	4m	3.5m	4m	3.5m	3.5m		6m		
PON OTDR																
Model	PD1		PS1		PS2		PT1	PT2	PT3	PT4						
Loại sợi	SM															
Bước sóng	1310nm ± 20nm /1550nm ± 20nm		1625nm ± 20nm (Filtered)		1650nm ± 15nm (Filtered)		1310nm/1550nm ± 20nm /1625nm ± 15nm(Filtered)		1310nm/1550nm ± 20nm /1650nm ± 15nm(Filtered)							
Dải động tối đa (dB)	37/35		38		38		38/36/36	40/38/38	42/40/40	38/36/36						
Vùng chết sự kiện <sup>1</sup>	0.5m															
Vùng chết ATT <sup>2</sup>	3.5m															
Vùng chết PON <sup>3</sup>	≤ 30m															
Khoảng đo	100m/500m/1.25km/2.5km/5km/10km/20km/40km/80km/125km/260km/420km															
Độ rộng xung	3ns/5ns/10ns/20ns/30ns/50ns/80ns/100ns/200ns/300ns/500ns/800ns/1us/2us/3us/5us/8us/10us/20us															
Khoảng chính xác <sup>4</sup>	± (0.75m+ Khoảng lấy mẫu + 0.0025 % × Khoảng cách đo)															
Độ phân giải suy hao	± 0.001dB															
Giới hạn suy hao	0.01dB															
Độ chính xác suy hao	± 0.03dB/dB															
Đơn vị hiển thị	Km, m, kft															
Dải chiết suất	1,0000 đến 2,0000 theo bước 0,0001															
Số điểm mẫu	≥ 256k															
Độ phân giải lấy mẫu	0.015m~16m															
Độ chính xác phân xạ	± 2dB															
Định dạng file	SOR (định dạng chuẩn)															
Phân tích suy hao	Phương pháp 2 điểm, 4 điểm															
Mức an toàn laser	Class 2															
Lưu dữ liệu	Bộ nhớ: > 2GB (≥ 200,000 kết quả đo) ; Bộ nhớ tối đa: 64GB															
Đầu nối	FC/APC (SC, ST có thể thay đổi)															

OPM	
Dải bước sóng	800nm~1700nm
Đầu nối	FC/SC/ST
Dải đo	-50dBm ~ +26dBm
Độ bất ổn định	±5%
Hiệu chuẩn bước sóng	850/980/1270/1300/ 1310/1490/1550/1577/1625/1650nm
LS	
Nguồn laser	FP-LD
Bước sóng	Đồng nhất với bước sóng OTDR
Công suất ra <sup>5</sup>	≥-5dBm (Sợi SM)
Chế độ hoạt động	CW/270Hz/1kHz/2kHz
Độ ổn định	CW, ±0.5dB/15min (Thử nghiệm sau khi khởi động làm nóng 15 phút)
Đầu nối	FC/UPC (SC, ST có thể thay đổi)
VFL	
Bước sóng	650nm±20nm
Công suất ra	≥ 10 mW
Chế độ	CW/1Hz/2Hz
Đầu nối	FC/UPC (SC, ST có thể thay đổi)
<i>Thông số suy hao quang phụ thuộc nguồn sáng và thông số đo công suất quang.</i>	
Thông số chung	
Màn hình	Màn hình cảm ứng 7-inch với độ phân giải 800x480 dpi
Nguồn điện	Bộ sạc Type-C: đầu vào 100V~240V 50/60Hz, đầu ra 5V/3A 9V/2A 12/1.5A; Pin Li-ion: 3.7V, 10400mAh (Thời gian đo ≥ 12h)
Khởi động	≤ 20s
Giao thức dữ liệu	USB-A, Type-C port, RJ45 LAN 10/100Mbit/s
Độ bền môi trường	Chống va đập: cao su chịu lực; Chống bụi: IP5x; Chống nước: IPx2
Nhiệt độ làm việc	-10°C ~ 50°C
Nhiệt độ bảo quản	-40°C ~ 70°C
Độ ẩm tương đối	0~95%, Không ngưng tụ
Khối lượng	≤1.2kg
Kích thước	≤162mm×220mm×52mm

- Lưu ý:**
- Sử dụng xung 3ns, hệ số phản xạ thường gặp là -35dB tới -55dB.
  - Sử dụng xung 3ns, hệ số phản xạ thường gặp là -55dB (1310nm).
  - Không phản xạ với sợi được kiểm tra, không phản xạ với bộ chia, thông thường suy hao 13dB với độ rộng xung 50ns
  - Chưa bao gồm độ không đảm bảo đo từ hệ số khúc xạ ánh sáng.
  - Công suất phát đa mode (MM) 850nm/1300nm là khoảng -24dBm, công suất phát của 1650nm (38dB) là khoảng -24dBm

### Danh mục phụ kiện kèm theo thiết bị

NO	Name	Quantity
1	Thân máy (kèm pin)	1
2	Nguồn AC/DC	1
3	USB (chứa phần mềm)	1
4	Cáp dữ liệu	1
5	OTDR SC Adapter	1
6	Hướng dẫn sử dụng	1
7	Chứng nhận hiệu chuẩn	1
8	Chứng nhận bảo hành	1
9	Bông thấm cồn	10
10	Dây đeo máy	1
11	Túi mềm đựng thiết bị	1

### Danh mục bổ sung/tùy chọn

NO	Name	Quantity
1	RJ45 length	Option
2	RJ45 Order	Option
3	RJ Find	Option
4	Fiber Inspection	Option
5	OPM (-70dBm÷+6dBm)	Option
6	OPM-XGSPON	Option
7	T3 Live test	Option
8	T4 Live test	Option
9	T5 Live test	Option
10	T6 Live test	Option
11	F1 Live test	Option

- Lưu ý:**
- ① Công đo mặc định là FC/UPC, có thể điều chỉnh sang FC/APC.
  - ② Danh mục thiết bị trên có thể thay đổi không báo trước, dựa trên nhu cầu cải thiện nếu cần.